

## BIỂU PHÍ SỬ DỤNG DỊCH VỤ TÍN DỤNG

STT	Tên Phí	Mức phí
<b>1</b>	<b>Thư bảo lãnh</b>	
<b>1.1</b>	Phí phát hành thư bảo lãnh	
<b>1.2</b>	Phát hành thư bảo lãnh theo mẫu của Vikki Bank	Miễn phí
<b>1.3</b>	Phát hành thư bảo lãnh theo mẫu tiếng việt của Khách hàng được Vikki Bank chấp thuận	200.000đ/thư
<b>1.4</b>	Phát hành thư bảo lãnh theo mẫu của Khách hàng (có liên quan đến Tiếng Anh) được Vikki Bank chấp thuận	Theo chi phí phát sinh thực tế (nếu có dịch thuật), min: 500.000 đồng/thư
<b>2</b>	<b>Phí bảo lãnh</b> <i>(phí bảo lãnh được tính theo ngày, nếu dùng nhiều hình thức bảo đảm thì áp dụng mức phí tương ứng với từng hình thức đảm bảo và mức phí tối thiểu của hình thức bảo đảm có mức phí tối thiểu cao nhất. Phí bảo lãnh không thu thuế VAT)</i>	
<b>2.1</b>	<b>Bảo đảm bằng hình thức ký quỹ</b>	
2.1.1	Trường hợp phong tỏa ngay từ ban đầu	500.000 đồng
2.1.2	Đối với thư bảo lãnh có hiệu lực kể từ ngày tiền ghi có vào tài khoản của khách hàng	1,00%/năm, min 550.000 đồng
<b>2.2</b>	<b>Bảo lãnh dự thầu</b>	
2.2.1	Bảo đảm bằng giấy tờ có giá do Vikki Bank phát hành	0,80%/năm, min 500.000 đồng
2.2.2	Bảo đảm bằng BĐS	1,60%/năm, min 600.000 đồng
2.2.3	Bảo đảm bằng giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng khác phát hành được Vikki Bank chấp nhận	2,40%/năm, min 650.000 đồng
2.2.4	Bảo đảm bằng tài sản khác (gồm: động sản, hàng hóa,...)	2,40%/năm, min 650.000 đồng
2.2.5	Không có tài sản bảo đảm	3,40%/năm, min 1.000.000 đồng
<b>2.3</b>	<b>Bảo đảm thực hiện hợp đồng, bảo lãnh hoàn tiền tạm ứng, bảo lãnh bảo hành</b>	
2.3.1	Bảo đảm bằng giấy tờ có giá do Vikki Bank phát hành	1,00%/năm, min 500.000 đồng
2.3.2	Bảo đảm bằng BĐS	2,00%/năm, min 600.000 đồng
2.3.3	Bảo đảm bằng giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng khác phát hành được Vikki Bank chấp nhận	2,50%/năm, min 650.000 đồng
2.3.4	Bảo đảm bằng tài sản khác (gồm: động sản, hàng	2,50%/năm, min 650.000 đồng

STT	Tên Phí	Mức phí
	hóa,...)	
2.3.5	Không có tài sản bảo đảm	3,60%/năm, min 1.000.000 đồng
<b>2.4</b>	<b>Bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thanh toán thuế, bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh đối ứng và các bảo lãnh đối ứng và bảo lãnh khác</b>	
2.4.1	Bảo đảm bằng giấy tờ có giá do Vikki Bank phát hành	1,20%/năm, min 500.000 đồng
2.4.2	Bảo đảm bằng BĐS	2,10%/năm, min 600.000 đồng
2.4.3	Bảo đảm bằng giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng khác phát hành được Vikki Bank chấp nhận	2,55%/năm, min 650.000 đồng
2.4.4	Bảo đảm bằng tài sản khác (gồm: động sản, hàng hóa,...)	2,55%/năm, min 650.000 đồng
2.4.5	Không có tài sản bảo đảm	3,80%/năm, min 1.000.000 đồng
<b>3</b>	<b>Tu chỉnh bảo lãnh</b>	
3.1	Tu chỉnh tăng thêm số tiền bảo lãnh (tính trên số tiền tăng thêm)	Nhu phát hành thư bảo lãnh
3.2	Tu chỉnh tăng thời hạn bảo lãnh (tính trên thời hạn tăng thêm)	Nhu phát hành thư bảo lãnh
3.3	Tu chỉnh khác	500.000 đồng/lần
<b>4</b>	<b>Phát hành thư bảo lãnh dựa vào thư bảo lãnh đối ứng của Tổ chức tín dụng khác</b>	1,80%/năm, min 500.000 đồng
<b>5</b>	<b>Xác nhận thư bảo lãnh</b>	1,80%/năm, min 500.000 đồng
<b>6</b>	<b>Phát hành bằng 02 ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh)</b>	Phí bảo lãnh + 500.000 đồng
<b>7</b>	<b>Cấp phát lại/Phát hành thêm thư bảo lãnh</b>	500.000 đồng/bản cấp phát
<b>8</b>	<b>Các trường hợp khác</b>	Theo thỏa thuận
<b>9</b>	<b>Thay đổi TSDB</b>	
9.1	Chuyển đổi từ TSDB rủi ro cao sang TSDB rủi ro thấp	
9.1.1	Chuyển đổi sang TSDB rủi ro thấp là GTCG do Vikki Bank phát hành	Miễn phí
9.1.2	Chuyển đổi sang TSDB rủi ro thấp khác	300.000 đồng/lần
9.2	Chuyển đổi từ TSDB có rủi ro thấp sang TSDB có rủi ro cao	500.000 đồng/lần
9.3	Chuyển đổi TSDB cùng loại	
9.3.1	Chuyển đổi TSDB cùng loại là GTCG do Vikki	200.000 đồng/lần

STT	Tên Phí	Mức phí
	Bank phát hành	
9.3.2	Chuyển đổi sang TSDB rủi ro thấp cùng loại khác	300.000 đồng/lần
<b>10</b>	<b>Phát hành cam kết bảo lãnh</b>	500.000 đồng/lần
<b>11</b>	<b>Xác nhận cam kết cho vay khi khách hàng đáp ứng đủ điều kiện của Vikki Bank</b>	
11.1	Phí xác nhận cam kết cho vay khi khách hàng đáp ứng đủ điều kiện của Vikki Bank	0,02%/năm, min 2.000.000 đồng
11.2	Phí cam kết thu xếp tài chính <i>(Không thể hiện số tiền cam kết thu xếp tài chính trên thư xác nhận và Vikki Bank chưa thực hiện thẩm định các điều kiện vay của khách hàng)</i>	500.000 đồng
<b>12</b>	<b>Phí dịch vụ tín dụng khác</b>	
12.1	Sao lục chứng từ hồ sơ tín dụng	
12.1.1	<i>Trước 12 tháng</i>	1.000 đồng/chứng từ (tờ), min: 10.000 đồng
12.1.2	<i>Sau 12 tháng</i>	1.000 đồng/1 chứng từ
<b>13</b>	<b>Phí chuyển tiền khoản vay</b>	Áp dụng theo biểu phí chuyển khoản của tài khoản thanh toán

**Ghi chú:**

- BHXH:** Bảo hiểm xã hội
- TP:** Thành phố
- TK:** Tài khoản
- CBNV:** Cán bộ nhân viên
- Trường hợp khách hàng yêu cầu hủy bỏ giao dịch hoặc khách hàng ngưng sử dụng dịch vụ trước hạn hoặc giao dịch không được thực hiện vì sai sót không phải do lỗi của Vikki Bank gây ra, Vikki Bank không hoàn lại phí dịch vụ và các khoản phí khác (điện phí, bưu phí, thuế, phí dịch vụ... phải trả các đơn vị/ngân hàng khác) đã thu.